

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 18/2025/HS-ST.

Ngày 25-3-2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Hoàng Thị Thanh và bà Nguyễn Thuý Luân.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thu Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh ngày 09/12/1980 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Phú V, xã Tiên H, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 3, xã Đăk S, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D, sinh năm 1930 và bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1940; Bị cáo vợ Võ Thị Thu H, sinh năm 1987 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/01/2005, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 31/01/2005 bị Công an huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xử phạt 200.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, bị cáo nộp phạt 28/3/2005. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2024 chuyển tạm giam ngày 21/12/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam PC11 Công an tỉnh Đăk Nông (Nhà tạm giữ Công an huyện Đăk Mil cũ)

- Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1987 – Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đắc S, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Xuân H, xã Đức M, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 15/12/2024, Trần Văn N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A06 màu đen, gắn sim số 0704.464.700 và 0359.898.264 liên hệ số điện thoại 0845.054.908 (của đối tượng tên Thịnh, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy đá với số tiền 300.000 đồng (mục đích để sử dụng) thì được Thịnh đồng ý và hẹn Trần Văn N đến khu vực nghĩa trang thôn Đức Lễ B, xã Đức Mạnh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông để giao ma túy. Sau đó, Trần Văn N điều khiển xe mô tô biển số 48AE – 098.45 (xe thuộc sở hữu của bà Võ Thị Thu H, vợ của Na) đi đến điểm hẹn để nhận ma túy và giao tiền. Sau khi mua được ma túy, Trần Văn N cất giấu gói ma túy vào túi bên phải trước ngực rồi điều khiển xe mô tô đi về. Đến 14 giờ cùng ngày, khi Trần Văn N về đến khu vực Thôn Xuân H, xã Đức M, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông thì bị lực lượng Công an huyện Đắc Mil phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật (được niêm phong theo quy định của pháp luật). Tại cơ quan điều tra, Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Mil đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng của vụ án gồm: 0,2441 gam ma túy, là Methamphetamine, hoàn lại sau giám định là 0,2251 gam; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A06 màu đen, gắn sim số 0704.464.700 và 0359.898.264; 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 48AE – 098.45.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Trần Văn N dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Tại bản kết luận giám định số: 569/KL-KTHS, ngày 18/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chất rắn dạng tình thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói zipper chỉ đỏ được niêm phong trong

bì thư gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine có khối lượng mẫu là 0,2441 gam.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT – VKS(ĐM), ngày 07/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil trả lại 01 mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 48AE – 098.45 cho bà Võ Thị Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A06 màu đen của Trần Văn N do sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu huỷ 0,2251 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và tịch thu tiêu huỷ sim số 0704.464.7000 và sim số 0359.898.264 do liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với số điện thoại 0845.054.908, quá trình điều tra xác định do Phan Văn H, sinh năm 1997, trú tại thôn Xuân Lộc 2, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông là người đăng ký sử dụng từ ngày 04/7/2024. Hiện tại Phan Văn H đã đi xuất khẩu tại Thái Lan từ tháng 6/2024 nên không làm việc được với H. Gia đình Phan Văn H khẳng định H không sử dụng số điện thoại trên.

Đối với bà Võ Thị Thu H do không biết bị cáo sử dụng xe mô của mình để đi mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Th (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu, kết luận giám định và chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án.

HĐXX đã có đủ căn cứ xác định: Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 15/12/2024, tại Thôn Xuân H, xã Đức M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bắt quả tang Trần Văn N đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,2441 gam ma túy, là Methamphetamine mục đích để sử dụng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) ... Methamphetamine ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”

...

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ma túy là loại độc dược do Nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy, nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển... trái phép các chất ma túy dưới bất cứ hình thức nào. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rất rõ tác hại của ma túy đối với bản thân, gia đình và xã hội nhưng vì nhu cầu nghiện của bản thân dẫn đến phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, đồng thời đây cũng là tiền đề phát sinh các tệ nạn xã hội khác; do đó cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo Trần Văn N có nhân thân xấu, vào ngày 31/01/2005, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 31/01/2005 bị Công an huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xử phạt 200.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, bị cáo nộp phạt 28/3/2005.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. HĐXX xét thấy mức đề nghị mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. HĐXX xét thấy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo nhằm mục đích để sử dụng cho cá nhân bị cáo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, sau khi phạm tội đã bị tạm giam nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

[8.1] Đối với bà Võ Thị Thu H do không biết bị cáo sử dụng xe mô tô của mình để đi mua ma túy nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với đối tượng tên Thịnh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) là người bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8.3] Đối với số điện thoại 0845.054.908, quá trình điều tra xác định do Phan Văn H, sinh năm 1997, trú tại thôn Xuân Lộc 2, xã Đắc Sắk, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông là người đăng ký sử dụng từ ngày 04/7/2024. Hiện tại Phan Văn H đã đi xuất khẩu tại Thái Lan từ tháng 6/2024 nên không làm việc được với H. Gia đình Phan Văn H khẳng định H không sử dụng số điện thoại trên nên không có cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng của vụ án: HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu huỷ 0,2251 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và tịch thu tiêu huỷ sim số 0704.464.700 và sim số 0359.898.264 do liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A06, màu đen, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong do liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Mil trả lại 01 mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 48AE – 098.45 cho bà Võ Thị Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

[10] Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2024.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu huỷ 0,2251 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và tịch thu tiêu huỷ sim số 0704.464.700 và sim số 0359.898.264 do liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A06 màu đen của Trần Văn N do sử dụng vào việc phạm tội.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/3/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil).

+ Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil trả lại 01 mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển số 48AE – 098.45 cho bà Võ Thị Thu H là chủ sở hữu hợp pháp.

(Vật chứng có đặc điểm như biên về việc trả lại tài sản, đồ vật tài liệu giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil với bà Võ Thị Thu H ngày 06/02/2025)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn Thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Công an tỉnh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Cơ quan THAHS – Công an tỉnh;
- Chi cục - THADS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

